

Số: 125/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực
của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 18/6/2022 của Hội đồng,


QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện hoạt động đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo (chi tiết trong Phụ lục 2).



3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình giáo dục, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



Trần Đình Quang

PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số: 125/NQ-HĐKĐCLV ngày 25/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1	3.67	3.67	2	67	Tiêu chuẩn 7	3.80	3.80	4	80
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	3						
Tiêu chuẩn 2	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 7.4	4	4.40	5	100
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8	4.40			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 8.5	4						
Tiêu chuẩn 4	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 9	4.40	4.40	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	5						
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10	4.17			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6	3.86	3.86	6	86	Tiêu chí 10.4	4	3.80	4	80
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	5			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11	3.80			
Tiêu chí 6.4	3				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.4	3						
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình				Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			
3.96				43		86			

ĐỤC VÀ
RUNG T
KIỂM Đ
HẤT LU
GIÁO Đ
LƯỢNG Đ

PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số: 125/NQ-HĐKĐCLV ngày 25/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, giai đoạn 2016 - 2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT ngành Quản trị nhân lực được xác định phù hợp với Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030; chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quản trị nhân lực có 9 chuẩn; có đầy đủ yếu tố cấu thành: chuẩn về kiến thức, kỹ năng và chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; trong đó chuẩn đầu ra về kiến thức có 06 chuẩn, chuẩn đầu ra về kỹ năng bao gồm 06 chuẩn và 03 chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm; bản mô tả ban hành năm 2021 đã cập nhật các nội dung cần thiết trên cơ sở các ý kiến khảo sát, có điều chỉnh và hợp nhất một số học phần theo quy định chung, được công bố công khai cùng CTĐT; chương trình dạy học ngành Quản trị nhân lực được thiết kế theo hướng dẫn chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; chương trình dạy học có ma trận kỹ năng kết nối từng học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; các học phần có mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra của học phần; các nội dung của từng học phần đều chỉ ra việc đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần; các hoạt động dạy và học được thiết kế theo mô hình tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra; đề cương học phần ban hành năm 2021 có các nội dung hướng dẫn cho người dạy, người học sử dụng các phương pháp dạy học, học tập khác nhau để đạt được chuẩn đầu ra; các bộ môn đã xây dựng tổ hợp công nghệ dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng, khoa học; có quy định cách đánh giá kết quả học tập, yêu cầu đối với đề thi và đáp án, quy trình xây dựng, sử dụng và quản lý ngân hàng đề thi hết học phần đã hướng dẫn việc thiết kế, sử dụng ngân hàng đề thi các môn chung để đảm bảo kết quả đánh giá tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra; mỗi chuẩn đầu ra của học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp đánh giá khác nhau phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và tương ứng với chuẩn đầu ra của CTĐT cần đạt được.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần đề cập đến việc hình thành tinh thần và kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong mục tiêu của CTĐT; cần phân định rõ ràng theo ba nhóm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm các chuẩn đầu ra; cần nghiên cứu triển khai các tín chỉ thực tập, trải nghiệm trong từng học phần (đặc biệt là học phần thuộc khối chuyên ngành) gắn với doanh nghiệp nhằm tăng cường sự trải nghiệm của sinh viên tại doanh nghiệp.

(ii) Cần sửa lỗi chế bản để tránh gây hiểu lầm cho các bên liên quan khi tiếp cận bản mô tả CTĐT của Khoa; cần chú giải ý nghĩa của những chữ T, I, U xuất hiện trong Ma trận đối sánh học phần - chuẩn đầu ra của CTĐT trong bản mô tả CTĐT; cần bổ sung những nội dung còn thiếu như tên giảng viên giảng dạy; bổ sung tài liệu học tập tiếng Việt cho những học phần chỉ có tài liệu tiếng Anh; cập nhật phiên bản mới nhất của tài liệu học tập cho các học phần.

(iii) Cần bồi dưỡng kỹ năng mềm một cách thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc phối hợp cùng với hoạt động của các câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa phù hợp lứa tuổi và nhu cầu; Khoa nên có những hoạt động kết nối giữa cựu sinh viên và sinh viên để trao đổi chia sẻ các kinh nghiệm và kỹ năng thiết thực nhất; cần rà soát lại mức độ đóng góp của các học phần thay vì thể hiện cách triển khai dạy học phần; cần rà soát lại sự đóng góp của từng học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT để đảm bảo tính khả thi khi triển khai đào tạo và đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra của học phần; cần nghiên cứu và đối sánh sâu hơn về nội dung giảng dạy các học phần chuyên sâu của ngành Quản trị nhân lực với các học phần tương ứng của ngành Quản trị nhân lực thuộc các cơ sở giáo dục đại học khác ở trong và ngoài nước để điều chỉnh/bổ sung cho các học phần của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường.

(iv) Cần mở rộng việc quảng bá rộng rãi mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Trường trên nhiều kênh thông tin khác nhau; cần rà soát lại toàn bộ chương trình dạy học và các hoạt động dạy học đảm bảo các hoạt động dạy, học được thiết kế phù hợp để đạt chuẩn đầu ra; cần ban hành hướng dẫn sử dụng bản mô tả CTĐT, giải thích các thuật ngữ, ghi chú để các bên liên quan dễ tiếp cận; cần ban hành quy trình chi tiết từ khâu khảo sát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và sử dụng báo cáo phân tích trong điều chỉnh các hoạt động dạy học hướng đến và phù hợp với chuẩn đầu ra; cần có kế hoạch giám sát giảng viên về triển khai phương pháp dạy học đúng, hoặc cải tiến tốt hơn, theo mô tả trong đề cương chi tiết để thúc đẩy rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho cả giảng viên và sinh viên.

(v) Cần rà soát và xác định lại các chuẩn đầu ra cấp 3 theo hướng có thể đo được; tránh những chuẩn đầu ra mơ hồ khó đánh giá; Khoa cần bổ sung những phương pháp đánh giá nhằm đánh giá được năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cần đánh giá và sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kiểm tra, đặc biệt là những phương pháp phù hợp để đánh giá những học phần kỹ năng; cần đa dạng hình thức phổ biến các quy định đối với việc phản hồi kết quả học tập cho người học.

(vi) Cần đưa ra dự kiến số lượng, tỷ lệ % giảng viên cần bổ sung khi xây dựng Chiến lược phát triển của Khoa/Trường trong giai đoạn tiếp theo; cần bám sát thực tế để có thể dự kiến và triển khai thực hiện được việc phát triển nguồn nhân lực có học hàm theo kế hoạch/chiến lược đề ra; đồng thời cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có học hàm ưu tiên từ nguồn nhân lực tại chỗ; cần quan tâm hơn nữa cơ cấu độ tuổi khi xây dựng tiêu chí, kế hoạch và triển khai tuyển dụng giảng viên

cho ngành Quản trị nhân lực; cần có kế hoạch hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực giảng viên về giảng dạy/đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

(vii) Cần tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc; hướng dẫn các đơn vị xây dựng Bản mô tả công việc, trên cơ sở đó, ban hành quy định/hướng dẫn về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi từ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; cần tăng cường khảo sát, phân tích nhu cầu tuyển dụng, điều chuyển nhân viên phù hợp với Đề án vị trí việc làm; sử dụng KPIs để đánh giá năng lực công tác của ứng viên, nhân viên khi tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển; cần xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho đội ngũ nhân viên; cần định kỳ, và sử dụng đa dạng hình thức và đối tượng đánh giá về năng lực của đội ngũ nhân viên tại các vị trí làm việc; sử dụng kết quả đánh giá để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, sắp xếp, điều chuyển nhân viên đáp ứng mục tiêu chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

(viii) Cần mở rộng đối tượng các bên liên quan khi khảo sát ý kiến về việc xây dựng chính sách tuyển sinh và tiêu chí tuyển chọn người học; cần sớm hoàn thiện việc cập nhật thông tin đánh giá theo chuẩn đầu ra trên trang đại học điện tử; tăng số lớp học phần được mở nhằm tăng cơ hội học cải thiện kết quả cho sinh viên; xây dựng “mạng lưới doanh nghiệp thân thiện”, thông tin rõ hơn về các vị trí việc làm, tổ chức tham quan doanh nghiệp từ năm thứ nhất hoặc thứ hai, hỗ trợ sinh viên chọn vị trí kiến tập/thực tập phù hợp... giúp sinh viên tiếp cận thực tế tốt hơn; bổ sung nội dung khởi nghiệp cho người học; tăng cường năng lực tiếng Anh, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm (thương lượng, đàm phán, trả lời phỏng vấn...), kiến thức pháp luật (Luật Lao động...) cho sinh viên.

(ix) Cần quan tâm đến kết quả cải tiến về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kết quả chuyển đổi số, e-learning trong công tác truyền thông về đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường/ Khoa tại mỗi đợt tuyển sinh và năm học mới; cần đẩy mạnh *văn hoá đọc* tới cán bộ, giảng viên và đặc biệt hướng sinh viên thông qua các cuộc thi đọc sách, chia sẻ sách hay, kinh nghiệm viết đề tài/khoá luận tốt nghiệp; Trường/ Khoa cần nhấn mạnh đến kết quả đầu tư về cơ sở vật chất, chuyển đổi số, ... trong công tác truyền thông về đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường/ Khoa tại mỗi đợt tuyển sinh và năm học mới; cần tận dụng kết quả của việc sử dụng AI trong việc thu thập ý kiến của người học, phối hợp với các Khoa đào tạo tiến hành nắm bắt tâm tư của người học năm nhất sau thời gian tiếp cận hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm giúp các em sử dụng hiệu quả các trang thiết bị của trường.

(x) Cần ban hành văn bản chung quy định về hoạt động rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó, quy định cụ thể về nội dung, tiêu chí rà soát, cách thức, đối tượng, số lượng, thời gian rà soát, đánh giá; sử dụng kết quả rà soát, đánh giá để cải tiến quá trình dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tương thích với chuẩn đầu ra của CTĐT; cần hướng dẫn cụ thể việc áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài của giảng viên, sinh viên vào hoạt động dạy và học của CTĐT, trong đó, cần hướng dẫn các bước từ



2

sau nghiệm thu đề tài đến tổ chức hội thảo, seminar để trao đổi, phổ biến kết quả đến thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo và phê duyệt của Hiệu trưởng để thực hiện thống nhất trong các Khoa; cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với tất cả lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

(xi) Cần nâng cao hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, thực hiện đối sánh với sinh viên cùng ngành của các trường đại học khác trong nước; cần tăng cường các hoạt động nâng cao lòng yêu ngành và đam mê học tập cho người học thông qua quá trình giảng dạy của mỗi học phần, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề phù hợp; cần phân tích kỹ số liệu để tìm nguyên nhân tại sao lại còn nhiều sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp; cần nâng cao chất lượng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các ngành khác của Trường và với cùng ngành của các trường đại học khác và phân tích kỹ lưỡng kết quả đối sánh để có giải pháp cải tiến chất lượng; cần tiếp tục nâng cao năng lực khởi nghiệp của sinh viên để sinh viên thích ứng tốt hơn với thị trường lao động; cần điều chỉnh hoạt động dạy-học để tăng cường kiến thức ngoại ngữ, tin học, và kỹ năng mềm cho sinh viên như đề xuất của cựu người học và nhà sử dụng lao động; cần cải thiện chất lượng đối sánh loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Quản trị nhân lực với sinh viên các ngành đào tạo khác của Trường và với sinh viên cùng ngành của các trường đại học khác trong nước để nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của người học.

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 12/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. 